

Số: 500 /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 14/8/2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 07, 08/8/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 120 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 07, 08/8/2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo QĐ số 500 /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 17 tháng 8 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Tổng Thị Lan	Anh	23/07/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
2	CNTT02	Nguyễn Thị	Diễm	03/10/1982	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
3	CNTT03	Nguyễn Thị	Dịu	21/10/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
4	CNTT04	Vũ Thị	Hà	20/05/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
5	CNTT05	Phạm Thị	Hải	27/10/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
6	CNTT06	Ngô Thị	Hằng	12/04/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
7	CNTT07	Nguyễn Thị	Hằng	10/01/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
8	CNTT08	Phạm Thị	Hiên	28/10/1985	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
9	CNTT09	Nguyễn Xuân	Hiệp	26/03/1973	Nam Định	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt
10	CNTT10	Đàm Thị	Huê	04/02/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
11	CNTT11	Đàm Thị	Huệ	22/11/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
12	CNTT12	Dương Thị	Huệ	12/08/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
13	CNTT13	Hoàng Thị	Huệ	01/01/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
14	CNTT14	Nguyễn Thị	Huệ	01/09/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
15	CNTT15	Hà Thị	Huyền	27/01/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
16	CNTT16	Đinh Thị	Huyền	28/12/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
17	CNTT17	Bùi Thị	Hương	24/03/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
18	CNTT18	Đàm Thị	Hương	05/07/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
19	CNTT19	Đoàn Thị	Hương	10/11/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
20	CNTT20	Vũ Thị	Hương	26/09/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
21	CNTT21	Vũ Thị Thu	Hường	18/09/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
22	CNTT22	Bùi Thị	Khuyên	10/08/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
23	CNTT23	Đặng Thị	Lành	12/12/1992	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt
24	CNTT24	Lưu Thị	Lành	11/10/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
25	CNTT25	Phạm Thị	Liên	29/12/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
26	CNTT26	Hoàng Thị	Linh	22/11/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
27	CNTT27	Phạm Thị	Mây	01/01/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
28	CNTT28	Phan Thị	My	01/11/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
29	CNTT29	Trịnh Thị Minh	Ngọc	16/06/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
30	CNTT30	Phạm Thị	Nhàn	29/08/1985	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
31	CNTT31	Bùi Thị Kim	Oanh	05/09/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt
32	CNTT32	Trần Thị	Phòng	09/04/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
33	CNTT33	Nguyễn Thị Hoài	Phương	25/02/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
34	CNTT34	Tổng Thị	Phương	30/06/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
35	CNTT35	Tổng Thị Thanh	Phương	25/07/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt
36	CNTT36	Đinh Thị	Quý	20/01/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
37	CNTT37	Đoàn Thị	Quyên	27/01/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
38	CNTT38	Phan Thị	Sen	08/11/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt
39	CNTT39	Phạm Thị	Soi	10/09/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
40	CNTT40	Hà Thị Thanh	Thảo	22/03/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
41	CNTT41	Phạm Thị	The	12/02/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
42	CNTT42	Lưu Thị	Thêu	02/11/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
43	CNTT43	Trịnh Thị	Thịnh	20/02/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
44	CNTT44	Vũ Văn	Thuần	03/04/1985	Nam Định	Nam	Kinh	7,7	6,5	Đạt
45	CNTT45	Bùi Thị	Thuý	25/11/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
46	CNTT46	Tổng Thị	Thùy	20/05/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
47	CNTT47	Vũ Thị Thanh	Thủy	19/03/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
48	CNTT48	Phạm Thị	Thương	13/08/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	8,0	Đạt
49	CNTT49	Vũ Thị	Thương	25/05/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	8,7	7,0	Đạt
50	CNTT50	Tổng Thị Huyền	Trang	10/03/1992	Nam Định	Nữ	Kinh	8,7	7,5	Đạt
51	CNTT51	Đào Văn	Trung	12/08/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,5	Đạt
52	CNTT52	Bùi Thị Hồng	Tuyết	25/08/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,5	Đạt
53	CNTT53	Vũ Thị	Tuyết	01/09/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
54	CNTT54	Thân Thị	An	20/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
55	CNTT55	Nguyễn Ngọc	Anh	31/07/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt
56	CNTT56	Trần Thị	Chinh	15/01/1978	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt
57	CNTT57	Lương Tiến	Giang	30/04/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
58	CNTT58	Ngô Thị	Giang	05/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
59	CNTT59	Đinh Thị Thanh	Hà	24/11/1971	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
60	CNTT60	Lương Thị Út	Hạnh	12/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	5,0	Đạt
61	CNTT61	Nguyễn Thị	Hằng	17/12/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt
62	CNTT62	Nguyễn Thúy	Hằng	16/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	Đạt
63	CNTT63	Dương Thị	Hân	10/12/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
64	CNTT64	Nguyễn Thị	Hiên	10/11/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
65	CNTT65	Trần Thị Khánh	Hoa	01/07/1969	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
66	CNTT66	Bùi Thị	Hồng	15/09/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
67	CNTT67	Nguyễn Văn	Hồng	09/08/1974	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
68	CNTT68	Thân Thị	Hường	10/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt
69	CNTT69	Dũng Thị	Mai	25/04/1992	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,7	7,0	Đạt
70	CNTT70	Dương Thị	Nga	08/08/1992	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,7	5,5	Đạt
71	CNTT71	Thân Thị	Nga	28/10/1970	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt
72	CNTT72	Trịnh Văn	Nhuận	12/10/1972	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
73	CNTT74	Hướng Thị	Thu	28/07/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
74	CNTT75	Vũ Thị Huyền	Trang	30/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt
75	CNTT76	Vũ Khắc	Vĩnh	16/03/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt
76	CNTT77	Vũ Thị	Bảy	20/04/1970	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
77	CNTT78	Lê Thị	Bình	26/12/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
78	CNTT79	Hoàng Ngọc	Chí	25/11/1995	Nam Định	Nam	Kinh	8,2	7,5	Đạt
79	CNTT80	Vũ Văn	Chiến	12/02/1969	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
80	CNTT81	Phạm Hải	Chinh	25/10/1996	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
81	CNTT82	Đoàn Thị Kiều	Diễm	15/11/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
82	CNTT83	Nguyễn Thị	Diệp	24/10/1976	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
83	CNTT84	Vũ Thị Minh	Dịu	19/08/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
84	CNTT85	Lê Thùy	Dung	17/06/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
85	CNTT86	Nguyễn Thị	Dung	02/10/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
86	CNTT87	Nguyễn Thị	Đoan	28/09/1973	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
87	CNTT88	Phạm Thị Thu	Hà	19/10/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt
88	CNTT89	Nguyễn Thị Thanh	Hải	14/08/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
89	CNTT90	Nguyễn Thị	Hảo	13/02/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
90	CNTT91	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	05/12/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
91	CNTT92	Phạm Thị	Hiền	10/06/1979	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
92	CNTT93	Trần Thị Thanh	Hiền	05/03/1980	Cao Bằng	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
93	CNTT94	Nguyễn Thị	Hoa	02/07/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
94	CNTT95	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/08/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
95	CNTT96	Nguyễn Thị	Hoài	17/03/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt
96	CNTT97	Phan Thị	Hoài	04/11/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt
97	CNTT98	Mai Thị	Hồng	03/03/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
98	CNTT99	Đỗ Thị Hoi	21/06/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt
99	CNTT100	Hoàng Thị Huệ	18/10/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
100	CNTT101	Nguyễn Thị Thu Huệ	11/12/1966	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
101	CNTT102	Vũ Thị Hương	15/03/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
102	CNTT103	Lê Thị Tùng Lân	06/01/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
103	CNTT104	Vũ Thị Len	07/08/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
104	CNTT105	Lại Thị Mai	04/09/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
105	CNTT106	Trần Thị Mai	24/01/1970	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt
106	CNTT107	Vũ Thị Mừng	22/04/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
107	CNTT108	Trần Thị Nguyệt	04/06/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	8,5	8,0	Đạt
108	CNTT109	Nguyễn Thị Nhâm	03/06/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
109	CNTT110	Trần Thị Nhung	17/01/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
110	CNTT111	Vy Thị Nhung	17/07/1989	Bắc Kạn	Nữ	H Mông	7,2	7,5	Đạt
111	CNTT112	Phạm Thị Thảo	28/08/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt
112	CNTT113	Lại Thị Thoa	02/05/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
113	CNTT114	Lại Thị Thủy	27/01/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
114	CNTT115	Trần Thị Thủy	20/10/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
115	CNTT116	Trần Thị Tươi	20/11/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
116	CNTT117	Ngô Thị Vân	17/08/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
117	CNTT118	Nguyễn Thị Vi	05/01/1971	Nam Định	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
118	CNTT119	Nguyễn Thị Xiêm	04/04/1979	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
119	CNTT120	Ninh Thị Yên	23/03/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
120	CNTT121	Phạm Thị Yên	08/03/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 120./.